



lù diǎn
露点

noun · dew point; wardrobe malfunction (exposure)

Example Sentences

Jīn tiān de lù diǎn wēn dù hěn dī
今天的露点 温度很低。

Today's dew point temperature is very low.

Qì xiàng yù bào shuō lù diǎn shēng gāo kōng qì huì gèng cháo shī
气象预报说露点 升高，空气会更 潮湿。

The weather forecast says the dew point is rising, so the air will be more humid.

Trace each character, then write the word on your own.

露	露	露	露	露	露	露	露	露	露	露
露	露	露	露	露	露	露	露	露	露	露
露	露									
点	点	点	点	点	点	点	点	点	点	点
点										